

BIẾN ĐỔI VỀ LOẠI HÌNH MẠNG LƯỚI XÃ HỘI CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC¹

PGS.TS. Vương Xuân Tình
Viện Dân tộc học
Email: vxtinh56@yahoo.com

Tóm tắt: Dựa trên tiêu chí lấy mục đích để phân loại, mạng lưới xã hội của các tộc người Lô Lô và Nùng vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc gồm bốn loại hình chính: mạng lưới sinh kế, mạng lưới tương trợ, mạng lưới an ninh trật tự và mạng lưới chăm sóc sức khỏe. Đến nay, nhiều yếu tố truyền thống của các mạng lưới xã hội vẫn được duy trì, như cá nhân, hộ gia đình là các điểm nút (Node) quan trọng, trở thành hạt nhân của mạng lưới. Mặt khác, một số tổ chức của Nhà nước (chính quyền cấp xóm, cấp xã, ngân hàng, trạm y tế, bệnh viện) cũng tham gia ngày càng nhiều vào mạng lưới xã hội, thậm chí trở thành hạt nhân của mạng lưới đó. Để nâng cao vai trò của mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, rất cần tăng cường sự tham gia của Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên và tổ chức khuyến nông khuyến lâm.

Từ khóa: Loại hình mạng lưới xã hội, dân tộc Lô Lô, dân tộc Nùng, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cá nhân, hộ gia đình, tổ chức.

Abstract: Based on the criteria for classifying purposes, the social network of the Lo Lo and Nung ethnic groups in the Vietnam - China border area consists of four main types: livelihood network, mutual assistance network, security network, and health care network. Up to now, many traditional elements of social networks are still maintained, such as individuals and households being important nodes (Node), becoming the nucleus of the network. On the other hand, some State organizations (village committees and commune authorities, banks, health stations, hospitals) are increasingly participating in the social network, even becoming the nucleus of these social networks. To enhance the role of social networks in socio-economic development in the Vietnam-China border region, it is necessary to strengthen the participation of farmers' associations, women's unions, youth unions, and organizations, and agricultural and forestry associations.

Keywords: Type of social network, Lo Lo people, Nung people, Vietnam - China border region, individual, household, organization.

Ngày nhận bài: 22/4/2021; ngày gửi phản biện: 28/4/2021; ngày duyệt đăng: 13/6/2021

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “Mạng lưới xã hội của tộc người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Lê Minh Anh và TS. Lê Thị Mùi là Đồng chủ nhiệm giai đoạn 2019 - 2020.

Nhiều thập kỷ qua, mạng lưới xã hội (Social network) được các học giả trên thế giới và trong nước quan tâm, bởi nghiên cứu mạng lưới xã hội có giá trị ứng dụng về phát triển. Theo đó, mạng lưới xã hội vận hành ở các cấp độ khác nhau, từ gia đình đến quốc gia, có vai trò đối với xác định các vấn đề đặt ra, những tổ chức đang hoạt động và mức độ thành công của cá nhân trong việc đạt mục tiêu của họ (Social Network Analysis: Theory and Applications, 2011, p. 2). Vậy mạng lưới xã hội là gì? Đến nay, đã có nhiều định nghĩa. Theo Borgatti và Halgin (2011, pp. 1157-1167), mạng lưới xã hội là việc thiết lập, liên kết các điểm nút; và trong phân tích mạng lưới xã hội, điểm nút là các cá nhân hoặc tập thể (gia đình, nhóm, tổ chức, quốc gia). Còn trong tác phẩm “Phân tích mạng lưới xã hội: Lý thuyết và ứng dụng”, lại xác định: mạng lưới xã hội là cấu trúc xã hội do cá nhân hay tổ chức tạo lập qua một hoặc nhiều điểm nút (cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng, tổ chức khác), gắn bó bằng một hay nhiều kiểu phụ thuộc lẫn nhau như họ hàng, bạn bè, mối quan tâm chung, trao đổi về tài chính, quan hệ giới, hoặc các mối quan hệ về niềm tin, tri thức hay uy tín (Social Network Analysis: Theory and Applications, 2011, p. 2).

Việc phân loại về loại hình mạng lưới xã hội có nhiều cách, được dựa trên tiêu chí khác nhau (Vương Xuân Tình, 2019, tr. 3-11). Trong bài viết này, tiêu chí để phân loại là mục đích của mạng lưới. Trên cơ sở đó, bài viết chủ yếu đề cập đến loại hình mạng lưới xã hội của các tộc người vùng biên giới Việt - Trung, qua nghiên cứu ở hai tộc người Lô Lô và Nùng tại tỉnh Cao Bằng, với bốn loại chính, đó là mạng lưới sinh kế, mạng lưới tương trợ, mạng lưới an ninh trật tự và mạng lưới chăm sóc sức khỏe. Nghiên cứu được thực hiện trong các năm 2019 và 2020 ở tỉnh Cao Bằng. Với người Lô Lô, khảo sát thực địa được tiến hành ở hai làng - theo cách gọi của tỉnh Cao Bằng là hai xóm: Cốc Sả Dưới, xã Hồng Trị và Ngàm Lôm, xã Cô Ba thuộc huyện Bảo Lạc; còn với người Nùng ở hai xóm: Lũng Phiác, xã Đàm Thủy và Giộc Vung, xã Khâm Thành thuộc huyện Trùng Khánh. Ngoại trừ xóm Cốc Sả Dưới, ba xóm còn lại đều thuộc xã biên giới, và đặc biệt Lũng Phiác còn là xóm biên giới. Người Lô Lô của huyện Bảo Lạc cư trú ở vùng cao, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn hơn, nghèo hơn so với người Nùng sinh sống tại vùng thung lũng chân núi thuộc huyện Trùng Khánh.

Bài viết này chỉ phân tích sự biến đổi của bốn loại hình mạng lưới xã hội trong so sánh với tình trạng trước năm 1986, gồm mạng lưới sinh kế, mạng lưới tương trợ, mạng lưới an ninh trật tự và mạng lưới chăm sóc sức khỏe. Phân tích nhằm rút ra xu hướng và tác động của biến đổi, từ đó đề xuất khuyến nghị nâng cao vai trò của mạng lưới xã hội trong phát triển ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

1. Mạng lưới sinh kế

Mạng lưới sinh kế đã tồn tại lâu đời ở hai tộc người Lô Lô và Nùng (Khổng Diễn, Trần Bình chủ biên, 2007; Viện Dân tộc học, 1992). Ở xã hội nông nghiệp, mạng lưới sinh kế chính là mạng lưới liên kết trong sản xuất giữa các hộ gia đình hay cá nhân. Có nhiều lĩnh

vực liên kết sản xuất, song điển hình là liên kết trong canh tác lúa. Đến nay, mạng lưới này vẫn tồn tại ở nhiều cộng đồng, bởi cần thiết cho các gia đình. Trong bốn xóm được nghiên cứu, mạng lưới canh tác lúa vận hành với mức độ khác nhau. Cách liên kết của mạng lưới là đổi công. Ở một cộng đồng không lớn, như xóm Ngâm Lôm chỉ với 20 hộ người Lô Lô, việc đổi công diễn ra trong toàn bộ nhóm hộ này dưới sự điều phối của trưởng xóm. Còn tại hai xóm Cốc Sả Dưới và Giộc Vung, nhóm đổi công được tổ chức theo nhóm hộ gia đình, thường ở trong một khu vực cư trú, và trưởng nhóm do các hộ bầu ra. Tại xóm Ngâm Lôm, vào mùa cày cấy hay thu hoạch, cả xóm tập trung làm cho xong việc của hộ này rồi mới chuyển sang hộ khác. Trước đây khi đi đổi công, mọi người tự túc bữa ăn, còn nay do điều kiện kinh tế khá giả hơn, chủ nhà được đổi công sẽ làm cơm mời người đến giúp, và đây cũng là dịp để mọi người thêm thân ái. Cách vận hành như vậy cũng tương tự ở các xóm Cốc Sả Dưới và Giộc Vung. Bảng 1 dưới đây phản ánh tình trạng tham gia các mạng lưới trong hoạt động sinh kế của hai tộc người Lô Lô và Nùng. Theo đó, với tổng số phiếu được điều tra là 225 (tộc người Lô Lô có 77 phiếu, tộc người Nùng - 148 phiếu), số người được hỏi có tham gia vào mạng lưới trông trọt ở tộc người Lô Lô là 76 người, chiếm 33,8%; tương tự ở tộc người Nùng là 144 người, chiếm 64,0%. Với hoạt động làm thuê bên Trung Quốc, ở tộc người Lô Lô lần lượt là 36 người - 16,0%; còn tộc người Nùng là 51 người - 22,7%. Việc tham gia các mạng lưới buôn bán, ngành nghề thủ công rất ít, không có tộc người nào được 2%. Cần lưu ý thêm, do nhiều người được hỏi là cán bộ hoặc người già nên không đi làm thuê ở Trung Quốc, bởi vậy tỷ lệ làm thuê của bảng này chưa phản ánh đầy đủ thực trạng tại các điểm nghiên cứu.

Bảng 1: Tham gia mạng lưới xã hội về sinh kế của hai tộc người Lô Lô và Nùng

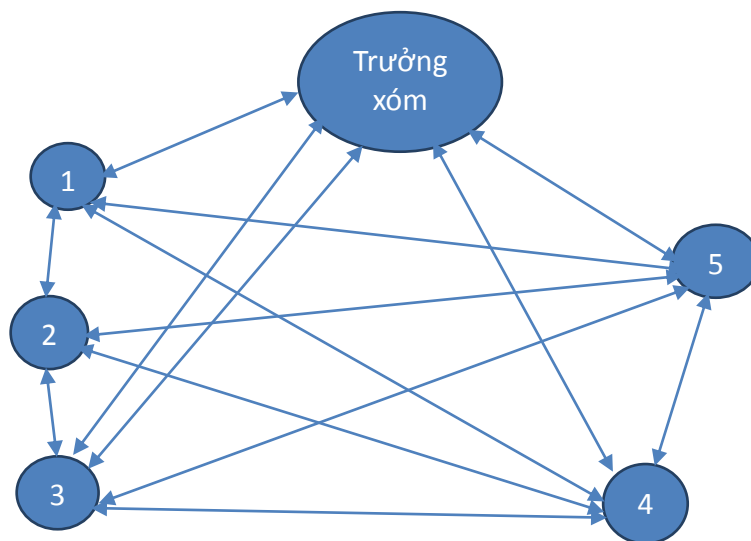
Loại mạng lưới	Lô Lô		Nùng	
	Người	%	Người	%
Trông trọt tại thôn xóm và xã	76	33,8	144	64,0
Buôn bán tại thôn xóm và xã	4	1,8	3	1,3
Làm thuê trong xã	19	8,4	95	42,2
Làm thuê ở Trung Quốc	36	16,0	51	22,7
Nghề thủ công tại xóm và xã	1	0,4	2	0,9
Khai thác tài nguyên	25	11,1	20	8,9

Nguồn: Điều tra thực địa năm 2019 và 2020

Về mạng lưới xã hội trong hoạt động sinh kế, theo cách xác định của Borgatti và Halgin (2011, pp. 1157-1167), lõi của mạng lưới chính là các hộ gia đình và trưởng xóm hay trưởng nhóm. Hình 1 dưới đây biểu đạt mạng lưới trong đổi công canh tác lúa ở xóm Ngâm Lôm. Năm hộ gia đình chỉ mang ý nghĩa biểu tượng. Trưởng xóm và mỗi hộ gia đình đều là hạt nhân của mạng lưới (xem Hình 1).

Tại xóm Lũng Phiếu, việc đổi công trong canh tác lúa đến nay không còn phổ biến bởi dịch vụ làm thuê đã xuất hiện. Theo đó, giá thuê làm đất bằng máy cày là 120.000 đồng/giờ; thuê cấy: 220.000 đồng/ngày/người, cộng thêm phục vụ cơm ăn vào bữa trưa và bữa tối; thuê gặt: 250.000 đồng/ngày/người. Người Nùng ở đây vẫn làm một số diện tích rẫy để lấy rau và hoa màu, song trong làm rẫy, người ta thường tự làm hay đổi công chứ không thuê khoán. Hiện nay, mạng lưới sinh kế không chỉ trong lĩnh vực canh tác nông nghiệp, mà phát triển sang cả lĩnh vực phi nông nghiệp (Lý Hành Sơn, Lê Minh Anh, 2020, tr. 57-67; Lý Hành Sơn, 2021, tr. 13-24). Việc đi làm thuê ở Trung Quốc và vận chuyển hàng xuyên biên giới đã tạo ra nhiều mạng lưới. Không kể mạng lưới của cộng đồng trong vận chuyển hàng lậu qua biên giới ở Lũng Phiếu, mỗi mạng lưới thường chỉ có một nhóm vài người hay vài gia đình, tin cậy nhau và dễ chia sẻ. Họ thường đi cùng nhau để dễ trợ giúp. Họ cũng thường có đối tác ở Trung Quốc, và khi có việc đối tác sẽ thông tin cho biết để huy động nguồn nhân lực (Vương Xuân Tình, 2020, tr. 24-39).

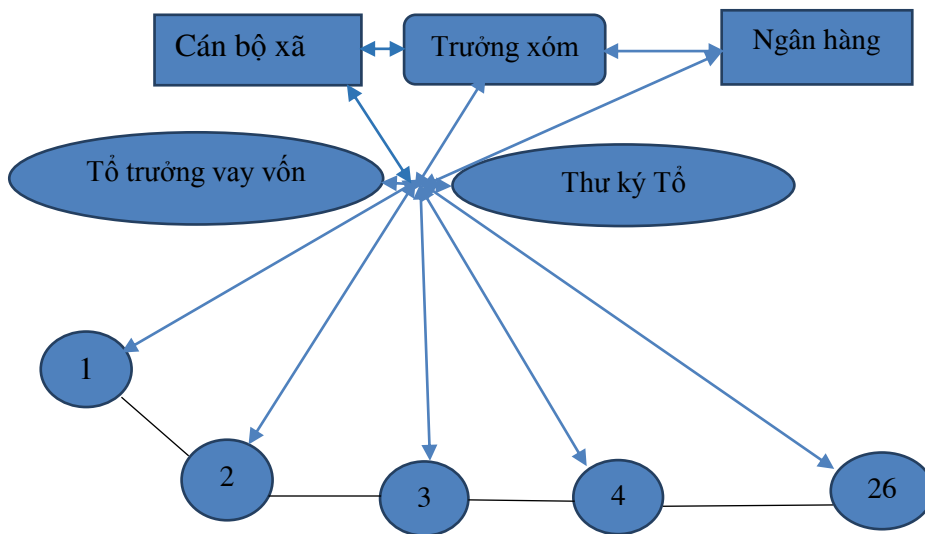
Hình 1: Mạng lưới đổi công trong canh tác lúa của người Lô Lô ở xóm Ngâm Lồ



Mạng lưới sinh kế còn phát triển ở nhiều lĩnh vực, điển hình là nhóm vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Song, mạng lưới này là do tác động của chính sách nhà nước. Theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và yêu cầu của địa phương, ở mỗi xóm đã hình thành một nhóm vay ngân hàng và giữa họ có các mối tương tác. Ví dụ tại xóm Cốc Sả Dưới, nhóm này có 26 thành viên. Sự tương tác, liên kết không chỉ trong nhóm mà còn ở ngoài nhóm, trước hết là với lãnh đạo, bộ phận chức năng của xóm và xã với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hoạt động của mạng lưới đã giúp các thành viên trưởng thành hơn trong kỹ năng nâng cao sinh kế hộ gia đình (xem Hình 2).

Trong hình này, Tổ trưởng Tổ vay vốn, Thư ký Tổ vay vốn với 26 chủ hộ của xóm Cốc Sả Dưới, và với Trưởng xóm Cốc Sả Dưới, đại diện lãnh đạo xã Hồng Trị, đại diện chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là các hạt nhân của mạng lưới, hay cũng chính là điểm nút, có tương tác trực tiếp. Còn giữa các hộ, chỉ có tương tác gián tiếp, như cùng nhau đi họp, chia sẻ kinh nghiệm trong thủ tục vay vốn. Quy trình triển khai như sau: khi có chủ trương và hạn mức của Ngân hàng cho vay vốn, Trưởng xóm Cốc Sả Dưới tổ chức họp dân để đăng ký và bình xét hộ nào được vay. Các hộ bầu ra Tổ trưởng và Thư ký giúp làm hồ sơ. Sau khi hoàn thành 26 hồ sơ, Tổ trưởng và Thư ký mang hồ sơ của các hộ làm việc với Ngân hàng, có sự bảo lãnh của Trưởng xóm và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cùng một số cán bộ khác trong xã. Hồ sơ được duyệt, các hộ sẽ lên xã ký nhận và lĩnh tiền. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Tổ trưởng, Thư ký, Trưởng xóm có trách nhiệm giám sát, đôn đốc để hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả và trả lãi cùng gốc cho Ngân hàng đúng hạn, để các hộ khác tiếp tục được vay.

Hình 2: Mạng lưới vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của người Lô Lô ở xóm Cốc Sả Dưới



2. Mạng lưới tương trợ

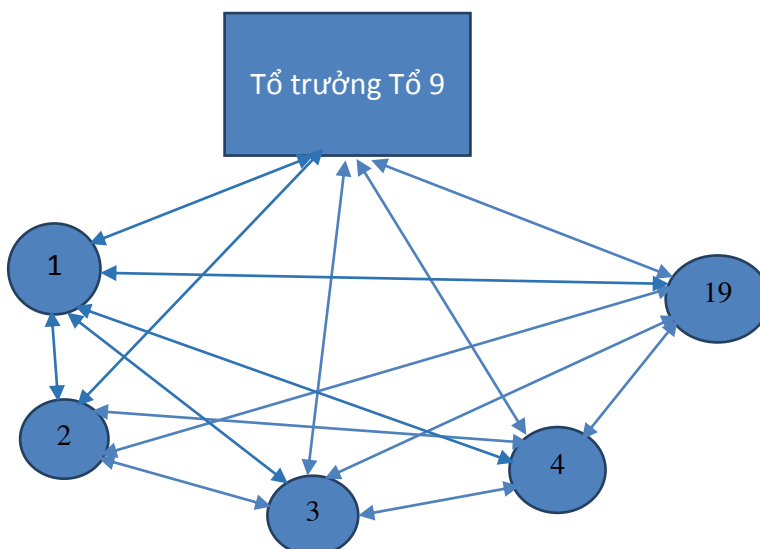
Mạng lưới tương trợ truyền thống thường ở phạm vi cá nhân và hộ gia đình. Hoạt động của mạng lưới này rất phong phú, song điển hình là tương trợ trong đám ma, làm nhà và đám cưới. Đến nay, mạng lưới tương trợ truyền thống như đã nêu vẫn phổ biến ở tất cả các điểm được nghiên cứu, song đã xuất hiện những yếu tố mới.

Ở người Lô Lô tại xóm Ngàn Lôm, trong đám ma, xóm quy định mỗi hộ đóng góp 1 bó củi, 2kg gạo; ngoài ra, mọi công việc liên quan đến tang lễ, xóm cũng lo liệu (làm quan tài, đào huyệt, làm cỗ, cử hành tang lễ). Có thể nói, trong lúc tang gia bối rối, gia chủ hầu như không phải lo liệu gì, thậm chí nếu thiếu tiền bạc, xóm còn vay giúp. Cán bộ và người

dân ở Ngâm Lồm cho rằng, nếu như sự hỗ trợ trong canh tác lúa, khai phá ruộng chỉ là đổi công, thì trợ giúp trong đám ma, trợ giúp cho các gia đình neo đơn hoặc bị rủi ro là trách nhiệm; còn trợ giúp trong đám cưới vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm. Như vậy, đổi công là vay trả sòng phẳng, còn nếu tương trợ thì không đặt vấn đề vay trả, mà chỉ ghi ơn, nhớ ơn và khi nào có dịp sẽ đền đáp lại.

Tại xóm Lũng Phiác của người Nùng, việc trợ giúp trong đám ma đến nay vẫn được coi trọng, dù các loại trợ giúp trong làm nhà đã nhạt dần, do thuê khoán ngày càng phổ biến. Trợ giúp đám ma ở đây theo Tổ tự quản - tổ được thành lập theo sự chỉ đạo của chính quyền địa phương với chức năng chính là đảm bảo an ninh, trật tự; cả xóm có 9 tổ như vậy, được tổ chức theo địa vực cư trú. Trước năm 2011 - thời điểm ra đời của Tổ tự quản, trong tang ma, người dân phải dựa vào sự giúp đỡ của họ hàng, người thân. Tuy nhiên, sự nhờ cậy đó cũng bị phụ thuộc vào điều kiện, tình thân của mọi người, nên khi có chủ trương Tổ tự quản giúp lo liệu tang ma, người dân rất đồng tình. Theo đó, khi trong nhà có người mất, tang chủ chỉ cần báo với tổ trưởng, và tổ trưởng sẽ huy động các thành viên trong tổ, tức đại diện các hộ gia đình tham gia. Người trực tiếp chỉ đạo là tổ trưởng và chủ của hộ gia đình vừa có người thân bị mất. Những người trong tổ được huy động đều nhiệt tình đóng góp. Trong thời gian làm tang lễ, tang chủ hầu như không phải làm gì ngoài lo đáp từ người đến phúng viếng. Tổ tự quản sẽ lo liệu cho mọi việc, bao gồm: (1) Mua hoặc đóng quan tài; (2) Đón thầy mo; (3) Chặt bốn cây tre để khiêng quan tài; (4) Lo liệu về tiền; (5) Mua lương thực, thực phẩm; (6) Nhận phúng viếng; (7) Nấu cỗ; (8) Phục vụ thầy mo; (9) Đào huyệt; (10) Đưa ma. Trong mạng lưới này, các hộ gia đình và tổ trưởng là lõi của mạng lưới, và có sự tương tác lẫn nhau (xem Hình 3). Cách tổ chức và hiệu quả của Tổ tự quản trong tang ma ở Lũng Phiác cũng tương tự như phường hiều tại làng người Tày ở Lạng Sơn mà Vương Xuân Tình cùng cộng sự (2015, tr. 7-25) đã đề cập.

Hình 3: Mạng lưới tương trợ trong đám ma của người Nùng ở Tổ 9, xóm Lũng Phiác



Tại xóm Ngàn Lôm, ngoài tang ma, xóm còn tương trợ trong làm nhà, đám cưới để giúp các hộ đỡ khó khăn vào thời điểm cần nhân lực, vật lực. Khi được xóm thông báo, có người đi làm thuê ở Trung Quốc cũng trở về để thực hiện nghĩa vụ tương trợ. Những ngày điền dã tại đây chúng tôi đã chứng kiến khi một gia đình làm nhà có khoảng hơn 20 người trong xóm đến giúp san nền; ngoài ra còn những người khác giúp nấu nướng cơm nước. Như vậy, trong tương trợ, nhiều mạng lưới truyền thống ở các điểm nghiên cứu đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, điểm khác biệt so với trước đây là một số mạng lưới có sự tham gia của chính quyền cấp xóm, và thay đổi về phương thức tương trợ như trong cưới xin, tang ma: xưa kia chủ yếu dùng hiện vật, còn nay dùng cả tiền để trợ giúp.

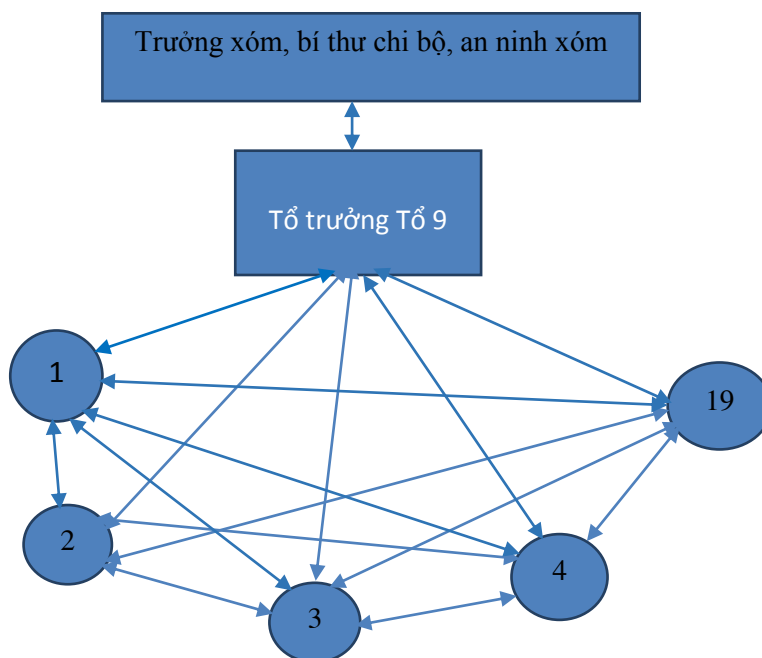
3. Mạng lưới an ninh trật tự

Sống ở vùng cao biên giới Việt - Trung, an ninh trật tự là vấn đề được người dân rất coi trọng bởi nơi đây thường xảy ra nạn trộm cướp. Tại vùng này, trước năm 1954 từng xuất hiện làng phòng thủ với các nhà kiểu pháo đài. Mỗi làng có thể trở thành một đơn vị phòng ngự, được rào bằng tre gai hoặc dựng tường đá, có cổng kín cùng nhiều lô cốt, lỗ châu mai. Tường nhà được trình bằng đất dày, ít cửa sổ để dễ tự vệ (Viện Dân tộc học, 1992, tr. 122). Việc đảm bảo an ninh trật tự, từ chống trộm cướp đến bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và hoa màu còn được luật tục của các làng quy định chặt chẽ (Vương Xuân Tình, 2000, tr. 370-410). Như vậy, yêu cầu đảm bảo an ninh trật tự đã kết nối mọi thành viên gia đình trong làng, tạo nên một mạng lưới xã hội bền chặt.

Đến nay, vấn đề an ninh trật tự đối với các tộc người vùng biên giới Việt - Trung vẫn rất cấp thiết. Mạng lưới xã hội về an ninh trật tự được đề cập trong nghiên cứu này là mạng lưới tự quản ở cấp xóm, được sự đồng ý, chỉ đạo của chính quyền. Tại tỉnh Cao Bằng, xóm Nà Chào thuộc xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa là nơi đầu tiên trong tỉnh và trong cả nước triển khai thực hiện mô hình quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc và an ninh trật tự của xóm thuộc khu vực biên giới. Từ năm 2014, cả 46/46 xã, thị trấn biên giới, 156/156 xóm sát biên ở tỉnh Cao Bằng đã có cam kết đăng ký tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới và an ninh, trật tự của xóm. Ngoài tổ tự quản được thành lập ở xóm hay tổ dân cư, tỉnh Cao Bằng còn có nhiều dòng họ tự quản của các tộc người như Tày, Nùng, Dao, Hmông. Đặc điểm chung của mạng lưới an ninh trật tự ở cấp xóm hiện nay là đều được chính quyền ủng hộ, chỉ đạo và quản lý. Có thể nêu tổ tự quản ở xóm Lũng Phiếu của người Nùng làm ví dụ. Việc xây dựng các tổ này là chủ trương của chính quyền, trước hết nhằm đảm bảo an ninh trật tự. Mỗi hộ gia đình trong tổ cùng với tổ trưởng là lõi của mạng lưới. Lõi này lại có quan hệ và tương tác với bộ máy chính quyền xóm, mà trực tiếp là với trưởng xóm, bí thư chi bộ và công an viên. Trong trường hợp cần nắm thông tin, tố giác hay bắt tội phạm, mạng lưới đó luôn gắn với bộ máy chính quyền xóm (xem Hình 4). Ngoài ra, vượt khỏi phạm vi của mạng lưới an ninh trật tự, các tổ tự quản còn thực hiện chức năng tương trợ, nhất là trong việc ma chay, cưới xin, thay thế vai trò của mạng lưới trước đây dựa trên cơ sở gia đình, dòng họ. Có thể nói, tuy có lực lượng công an, quân đội chính quy thực hiện nhiệm vụ tại vùng biên giới, song vai trò của mạng lưới xã hội về an ninh trật tự của cộng đồng nơi đây

vẫn rất quan trọng. Mạng lưới này kế thừa phương thức tự quản của mạng lưới truyền thống. Tính đến năm 2020, toàn tỉnh Cao Bằng có 1.700 tổ tự quản bảo vệ an ninh tổ quốc, trong đó có 31 tổ đồng hộ tự quản về an ninh trật tự. Vẫn trong năm 2020, các tổ tự quản đã góp phần bắt giữ 316 vụ liên quan đến buôn lậu, tham nhũng; 283 vụ liên quan đến ma túy; vận động người dân giao nộp 194 khẩu súng tự chế và một số loại vũ khí khác (Thiên Đức, 2020).

Hình 4: Mạng lưới xã hội trong đảm bảo an ninh trật tự của người Nùng ở Tổ 9, xóm Lũng Phiếu



4. Mạng lưới chăm sóc sức khỏe

Để đảm bảo sức khỏe cho người dân, mạng lưới xã hội trong chăm sóc sức khỏe của các tộc người Lô Lô và Nùng đã xuất hiện từ lâu đời. Song đến nay, mạng lưới đó không chỉ gắn với y học dân gian mà cả y học hiện đại. Qua phỏng vấn trường hợp cho thấy, đa số những người khi bị bệnh tật, ốm đau trước hết đã thông tin hay chia sẻ với người trong nhà, họ hàng, bạn bè; với y tế thôn bản; với người am hiểu và người có khả năng chữa trị bằng thuốc dân gian. Sau đó, tùy theo sức khỏe và tuổi tác, họ tự đi hoặc người nhà đưa đi mua thuốc hay khám bệnh. Nếu mắc bệnh thông thường như cảm cúm, nhức đầu, họ có thể được những người đã kê lấy thuốc nam chữa trị hay mua thuốc ở y tế thôn bản, cửa hàng thuốc. Nếu bệnh nặng, họ sẽ đi khám và chữa trị ở bệnh xá của xã, bệnh viện huyện hoặc tỉnh. Trường hợp bị trọng bệnh và gia đình có điều kiện thì đưa họ về bệnh viện tuyến trung ương. Trong quá trình chữa trị, có thể họ còn nhờ thầy cúng để cúng cho khỏi bệnh. Qua Bảng 2 cho thấy, phần lớn người được điều tra ở độ tuổi dưới 50 cho biết, khi bị ốm đau, họ cần tới sự giúp đỡ trước hết là anh chị em ruột (83,6%), sau đó là họ hàng (79,6%), các con (31,6%),

nhân viên y tế (28%), bạn bè (20%), bố mẹ (17,8%). Nhu cầu cần bố mẹ giúp đỡ có tỷ lệ thấp, do bố mẹ của người được hỏi phần lớn đã già; còn nhu cầu cần anh chị em ruột giúp đỡ có tỷ lệ cao nhất, bởi những người này đã trưởng thành, có sức khỏe, điều kiện vật chất và nhiều kinh nghiệm trong xử lý các tình huống. Nhu cầu được sự giúp đỡ của nhân viên y tế không cao, bởi tập quán của người dân khi bị ốm đau, trước hết vẫn thường tự chữa.

Bảng 2: Nhu cầu cần giúp đỡ khi ốm đau của người Lô Lô và Nùng

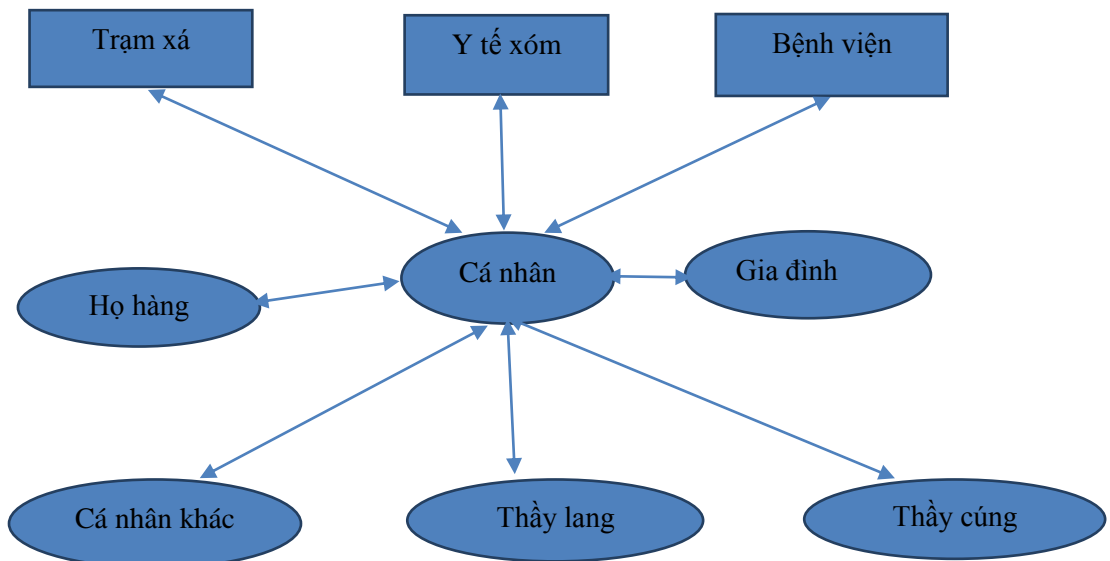
Đơn vị tính: %

Cần sự giúp đỡ của	Lô Lô		Nùng		Chung	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Bố, mẹ	22	9,6	18	8	40	17,8
Con	26	11,6	45	20	71	31,6
Anh chị em ruột	60	26,7	128	56,9	188	83,6
Họ hàng	54	24,0	125	55,6	179	79,6
Bạn bè/ đồng nghiệp	13	5,8	32	14,2	45	20,0
Nhân viên y tế	46	20,4	17	7,6	63	28,0
Khác	5	2,2	1	0,4	6	2,7

Nguồn: Điều tra thực địa năm 2019 và 2020

Lõi của mạng lưới chăm sóc sức khỏe này là cá nhân với gia đình, họ hàng, cá nhân khác và tổ chức, dịch vụ y tế. Trình bày ở đây chỉ thuộc phạm vi cá nhân khi họ bị đau ốm, mà không đề cập những hoạt động y tế khác, như phòng chống dịch bệnh. Hình 5 diễn tả về mạng lưới này: cá nhân là trung tâm, trong tương tác với gia đình, họ hàng, với các cá nhân khác trong hay ngoài cộng đồng xóm, với hệ thống dịch vụ y tế - bao gồm cả tây y và y học dân gian (thầy lang), và với thầy cúng.

Hình 5: Mạng lưới chăm sóc sức khỏe của người Nùng ở xóm Giộc Vung



Hình 5 cho thấy, đây là một mạng lưới xã hội với các điểm nút rất phong phú, song có những điểm nút không tương tác nhau. Loại mạng lưới này không đóng kín mà mở. Chẳng hạn, qua gia đình hay họ hàng, có thể người bị đau ốm còn mở rộng thêm mạng lưới với các cá nhân hay cơ sở y tế khác. Rõ ràng, mạng lưới đó đã biến đổi nhiều so với mạng lưới chăm sóc sức khỏe truyền thống của các tộc người Lô Lô và Nùng - chỉ dựa vào thuốc nam và cúng bái, bởi hiện nay hệ thống Tây y đã phát triển.

Kết luận

Trước năm 1986, đặc biệt là khoảng trước năm 1954, mạng lưới xã hội của các tộc người Lô Lô, Nùng ở vùng biên giới Việt - Trung phần lớn hình thành tự phát để đảm bảo sinh kế, tương trợ, an ninh, chăm sóc sức khỏe và một số nhu cầu khác. Lõi của các mạng lưới thường là cá nhân và hộ gia đình, có tính khép kín. Các mạng lưới xã hội trong trồng trọt, tương trợ rất bền vững vì hữu ích và dựa trên mối quan hệ bền chặt của dòng máu hay láng giềng. Sau 1986, dưới tác động của kinh tế thị trường và toàn cầu hóa, mạng lưới xã hội ở các tộc người này trở nên phong phú, phức tạp hơn. Đến nay, các mạng lưới xã hội ấy vẫn có vai trò lớn trong hoạt động sinh kế, tương trợ, bảo vệ an ninh trật tự hay chăm sóc sức khỏe, vừa kế thừa truyền thống, vừa có yếu tố mới. Một số mạng lưới không chỉ có điểm nút là cá nhân, hộ gia đình mà còn cả tổ chức gồm ban lãnh đạo xóm (mạng lưới đổi công trong canh tác lúa, tương trợ trong đám ma hay làm nhà, an ninh trật tự); ban lãnh đạo xã và ngân hàng (mạng lưới vay vốn); y tế thôn bản, trạm xá, bệnh viện (mạng lưới chăm sóc sức khỏe).

Để phát triển các yếu tố tích cực của mạng lưới xã hội, Nhà nước và các cấp, các ngành liên quan cần tiếp tục nâng cao vai trò đối với mạng lưới xã hội của các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, bởi đây là vùng có vị trí chiến lược của Việt Nam. Vai trò đó được nâng cao nếu các tổ chức của Nhà nước trở thành điểm nút trong lõi mạng lưới, với sự tương tác có hiệu quả. Hiện tại, còn nhiều tổ chức trong hệ thống chính trị, quản lý ở vùng này, như hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, khuyến nông khuyến lâm ít gắn với mạng lưới xã hội của người dân và nếu gắn cũng ít tương tác, không thuộc lõi của mạng lưới xã hội. Mặt khác, Nhà nước cần giảm thiểu những tiêu cực của một số mạng lưới xã hội, như làm thuê, vận chuyển hàng lậu xuyên biên giới. Để giảm thiểu, ngoài chú trọng truyền thông về pháp luật, tăng cường giám sát, quản lý, cần phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội ở vùng biên và ngoại biên, đáp ứng nhu cầu hàng hóa, việc làm, tiêu thụ sản phẩm của các tộc người nơi đây.

Tài liệu tham khảo

1. Borgatti, S.P & Halgin, D.S (2011), “On Network Theory”, *Journal of Organization Science*, Vol. 22, pp. 1157-1167.
2. Không Diễn, Trần Bình (Chủ biên, 2007), *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.

3. Thiên Đức (2020), *Hiệu quả từ mô hình dòng họ tự quản ở Cao Bằng*, trên trang <https://baodantoc.vn> (Truy cập ngày 10/3/ 2021).
4. *Social Network Analysis: Theory and Applications* (2011), in PDF generated using the open source mwlib toolkit, <http://code.pediapress.com/> for more information.
5. Lý Hành Sơn, Lê Minh Anh (2020), “Mạng lưới xã hội trong trồng trọt và chăn nuôi của người Lô Lô tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 10, tr. 57-67.
6. Lý Hành Sơn (2021), “Mạng lưới xã hội trong sinh kế mới của người Lô Lô và người Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 13-24.
7. Vương Xuân Tình (2000), “Luật tục của các dân tộc Tày, Nùng với vấn đề quản lý xã hội và nguồn tài nguyên”, trong Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian: *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam* (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 370-410.
8. Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười, Lê Minh Anh (2015), “Làng người Tày trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập (Tổng luận)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4&5, tr. 7-25.
9. Vương Xuân Tình (2019), “Nghiên cứu về mạng lưới xã hội trên thế giới”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 3-11.
10. Vương Xuân Tình (2020), “Không gian thứ ba và mạng lưới xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 24-39.
11. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.